



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG XII/2015



HÀ NỘI, THÁNG I/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2015.....	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ.....	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ.....	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên.....	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2015.....	12
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ.....	19
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG XII/2015

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng XII/2015 tại hầu hết các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ $-3,7^{\circ}\text{C}$ đến $-0,5^{\circ}\text{C}$), riêng một số nơi thuộc Nam Bộ cao hơn TBNN từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,4^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -314mm đến 245mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -109 giờ đến 80 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13% đến 7%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng XII/2015 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

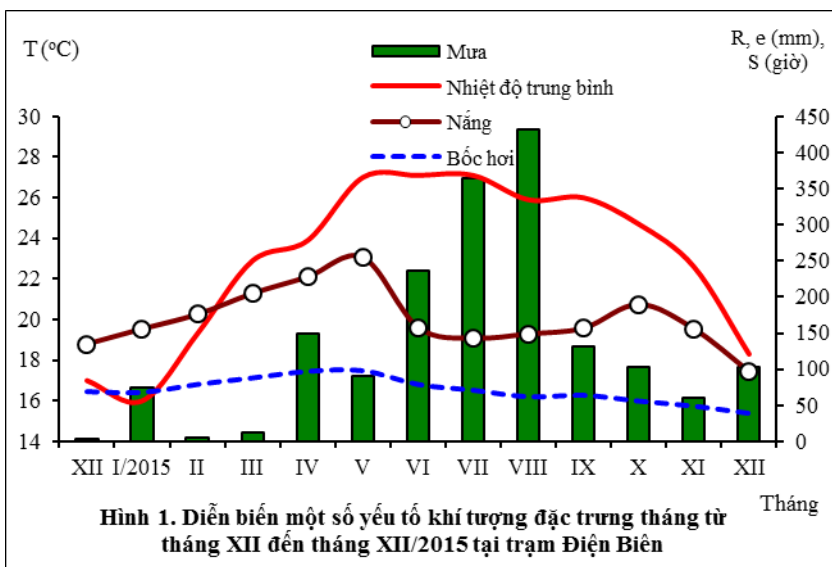
1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ $-2,9$ đến $0,7^{\circ}\text{C}$); với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $8,3^{\circ}\text{C}$ đến $16,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $5,9^{\circ}\text{C}$ đến $13,7^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $12,6^{\circ}\text{C}$ đến $22,1^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $27,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào các ngày 03/XII tại Mường Lay và ngày 12/XII tại Mường Tè. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Điện Biên

- Tổng lượng mưa tháng XII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (23mm đến 245mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 5mm đến 220mm, cao nhất là 246mm tại Điện Biên.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 121mm, cao nhất là 137mm vào ngày 14/XII tại Điện Biên

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 14 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2015 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -39 giờ đến 49 giờ); giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 96 giờ đến 180 giờ, cao nhất là 183 giờ (Mộc Châu) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2015 dao động từ 74% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -6% đến -3%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 30% xảy ra vào các ngày 26/XII tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng XII/2015 có giá trị phổ biến từ 29mm đến 75mm, cao nhất là 86mm tại Bắc Yên. Lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-202mm đến 59mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 5mm, cao nhất là 6mm xảy ra vào ngày 26/XII tại Bắc Yên.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 2 ngày;

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Mộc Châu với số ngày có mưa phùn là 2 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng XII/2015 vùng Việt Bắc ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -3,7⁰C đến -1,5⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 6,7⁰C đến 15,8⁰C;

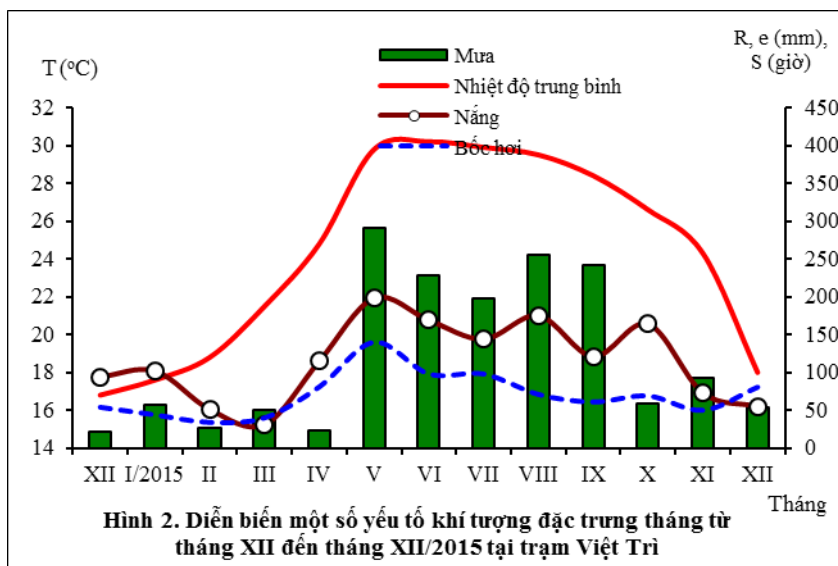
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 4,6⁰C đến 13,1⁰C , nhiệt độ

không khí thấp nhất là 0⁰C xảy ra vào ngày 19/XII tại Ngâm Sơn.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 10,2⁰C (Sa Pa) đến 20,5⁰C (Bắc Cạn), nhiệt độ không khí cao nhất là 27,5⁰C xảy ra vào ngày 07/XII tại Bắc Quang.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 21mm đến 183mm, cao nhất là 204mm tại Sa Pa; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (29mm đến 159mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Việt Trì

tháng XII/2015 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8mm đến 95mm, cao nhất là 96mm xảy ra vào ngày 15/XII tại Lào Cai. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 4 - 7 ngày, cao nhất là 14 ngày tại Sa Pa. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 15 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2015 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 82 giờ đến 190 giờ, cao nhất là 211 giờ (Bắc Quang), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-39 giờ đến 70 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2015 phổ biến từ 74 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-8% đến 5%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25%, xảy ra vào ngày 17/XII tại Sa Pa.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 5mm đến 70mm, cao nhất là 86mm tại Thái Nguyên, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-181mm đến 54mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 4mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

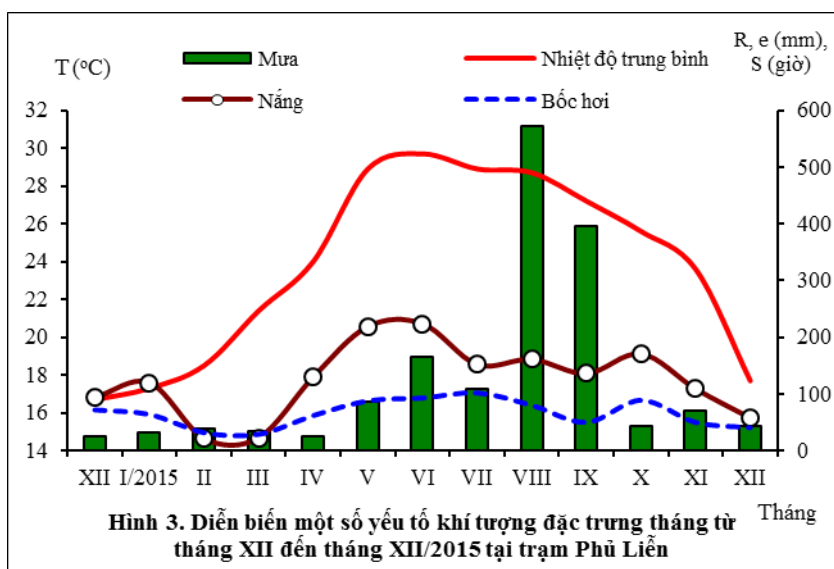
- Đông xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 1 đến 2 ngày;
- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 4 ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ $-3,7$ đến $-1,5^{\circ}\text{C}$); có giá trị dao động từ $10,2^{\circ}\text{C}$ đến $15,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $16,6^{\circ}\text{C}$ đến $21,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $27,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 04/XII tại Hữu Lũng.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $6,1^{\circ}\text{C}$ đến $12,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $0,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 19/XII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng XII/2015 dao động phổ biến từ 22mm đến 85mm, cao nhất là 101mm tại Trùng Khánh, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (23mm đến 70mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 10 đến 51mm, cao nhất là 59mm xảy ra vào ngày 14/XII tại Trùng Khánh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 - 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 13 đến 15 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng XII/2015 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ

hoặc cao hơn giá trị TBNN (19 giờ đến 80 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 92 giờ đến 199 giờ, cao nhất là 201 giờ tại Bãi Cháy.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng XII/2015 ở các nơi dao động phổ biến từ 72 đến 84%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -4% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 02/XII tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 47mm đến 97mm, cao nhất là 104mm tại Bãi Cháy. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (từ -39mm đến 63mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 5mm, cao nhất là 6mm xảy ra vào ngày 01/XII tại Bãi Cháy (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện duy nhất tại Sơn Động với số ngày có mưa phùn là 2 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

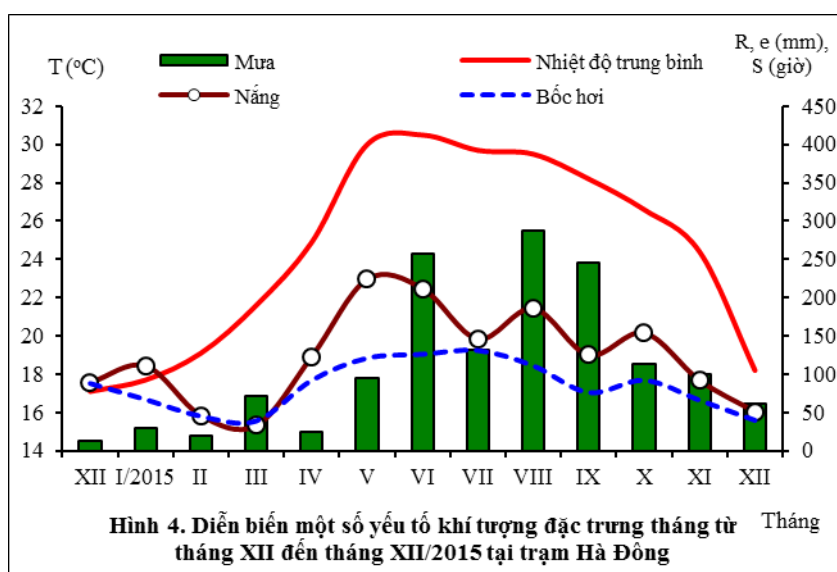
4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ $15,0^{\circ}\text{C}$ đến $16,3^{\circ}\text{C}$, ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ $-2,9^{\circ}\text{C}$ đến $-1,9^{\circ}\text{C}$) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $19,3^{\circ}\text{C}$ đến $20,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $26,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 04/XII tại Hà Đông;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ $11,4^{\circ}\text{C}$ đến $13,4^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $0,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 20/XII tại Thái Bình. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Hà Đông

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 10mm đến 28mm, cao nhất là 35mm tại Sơn Tây.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 6 đến 14mm, cao nhất là 17mm xảy ra vào ngày 16/XII tại Hà Đông; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 14 đến 15 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2015 ở các nơi trong vùng dao động từ 149 giờ đến 172 giờ, cao nhất là 179 giờ tại Hải Dương; có giá trị ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 20 giờ đến 50 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 68% đến 81% , phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -13% đến -3%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào ngày 24/XII tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 6mm đến 93mm, cao nhất là 123mm tại Văn Lý; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa tháng từ 43mm đến 101mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn từ 1 đến 2 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng thấp hơn giá trị TBNN từ -2,8⁰C đến -1,9⁰C) (hình 10) và có giá trị từ 14,8⁰C đến 16,8⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 19,4⁰C đến 21,5⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 27,2⁰C xảy ra vào ngày 05/XII tại Tương Dương.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 11,4⁰C đến 14,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 5,6⁰C xảy ra vào ngày 21/XII tại Tây Hiếu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

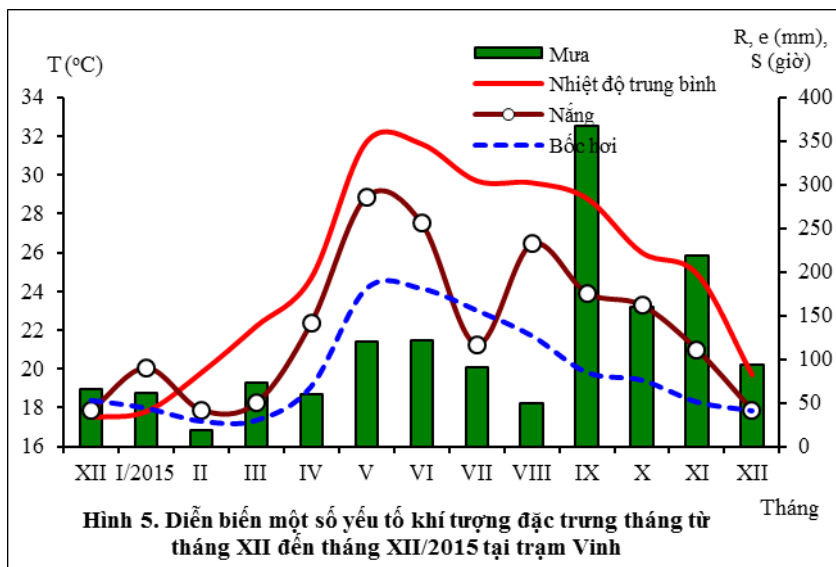
5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng XII/2015, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 6mm đến 69mm, cao nhất là 114mm tại Kỳ Anh. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-103mm đến -25mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4 đến 28mm, cao nhất là 37mm, xảy ra vào ngày 16/XII tại Hương Sơn và Kỳ Anh.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 2 - 11 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên

tục phổ biến từ 12 đến 16 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Vinh

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 38 đến 136 giờ , cao nhất là 137 giờ ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -48 giờ đến 24 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 75% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-8% đến -3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 34% xảy ra vào các ngày 01/XII tại Như Xuân và ngày 30/XII tại Tĩnh Gia.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 88mm, cao nhất là 113mm tại Thanh Hóa; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 - 5mm, cao nhất là 7mm xảy ra vào ngày 01/XII tại Thanh Hóa. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-52mm đến 104mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện một vài nơi trong vùng với số ngày có mưa phùn dao động từ 1 đến 2 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2015 từ 16,4⁰C đến 21,4⁰C, phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-2,5⁰C đến -0,3⁰C) (hình 10). Có thể

thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $19,3^{\circ}\text{C}$ đến $24,5^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $28,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 13/XII tại Quảng Ngãi.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $14,9^{\circ}\text{C}$ đến $19,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ thấp nhất là $11,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 17/XII tại Khe Sanh.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng XII/2015 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 18mm đến 90mm, cao nhất là 155mm tại Nam Đông. Ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -314mm đến -38mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 29mm, cao nhất là 31mm xảy ra vào ngày 17/XII tại Nam Đông.

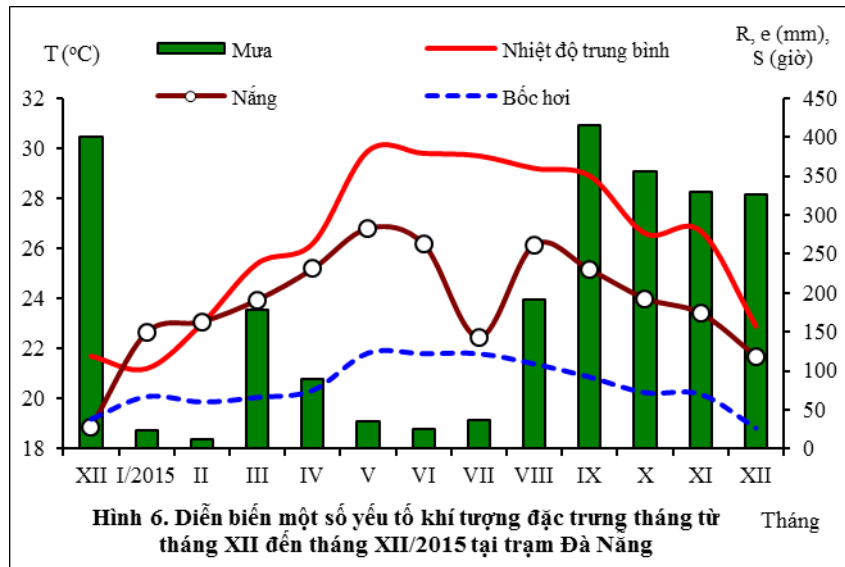
- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 đến 20 ngày, cao nhất là 26 ngày tại Nam Đông; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày, cao nhất là 13 ngày tại Nam Đông; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 14 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng I đến tháng XII/2015 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 13 giờ đến 62 giờ, cao nhất là 77 giờ tại Quảng Ngãi. Phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-68 giờ đến -24 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 77% đến 94%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -9% đến -4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 53% xảy ra vào ngày 31/XII tại Ba Đồn.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 14mm đến 67mm, cao nhất là 80mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 4mm. Tổng lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Đà Nẵng

trị lượng mưa (-141mm đến 37mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện duy nhất tại Khe Sanh với số ngày có đông là 6 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2015 từ 22,1⁰C đến 26,1⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,7⁰C đến 0,8⁰C, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 25,4⁰C đến 29,7⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 31,0⁰C xảy ra vào ngày 02/XII tại Phan Thiết.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,1⁰C đến 23,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,2⁰C, xảy ra vào ngày 26/XII tại Hoài Nhơn. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng XII đến tháng XII/2015 được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

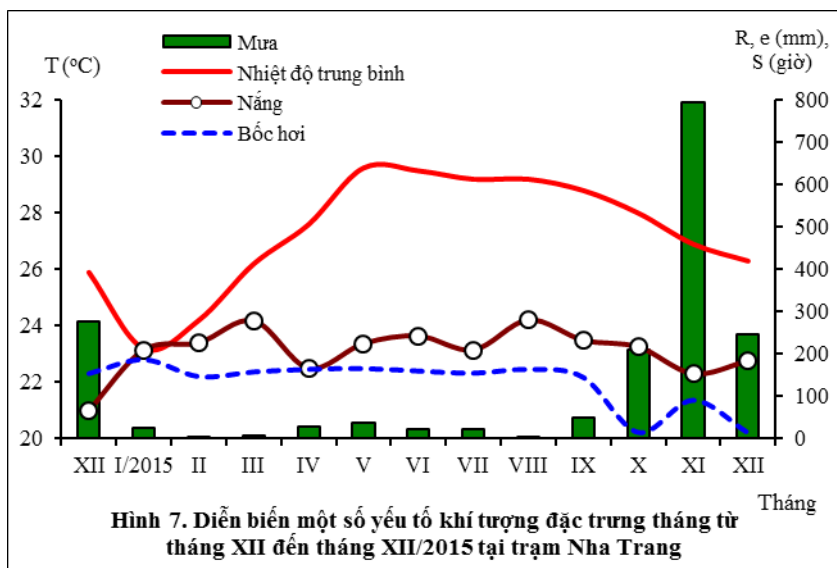
- Trong tháng XII/2015, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 1mm đến 26mm, cao nhất là 28mm tại Tuy Hòa. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -157mm đến -123mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 17mm.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 3 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 7 đến 16 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2015 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 95 giờ



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Nha Trang

(Tuy Hòa) đến 198 giờ (Phan Thiết), cao nhất là 227 giờ tại Phan Rang; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-54 giờ đến -16 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 69% (Phan Rang) đến 78% (Tuy Hòa), phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (từ -10% đến -4%, hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 30/XII tại Phan Rang.

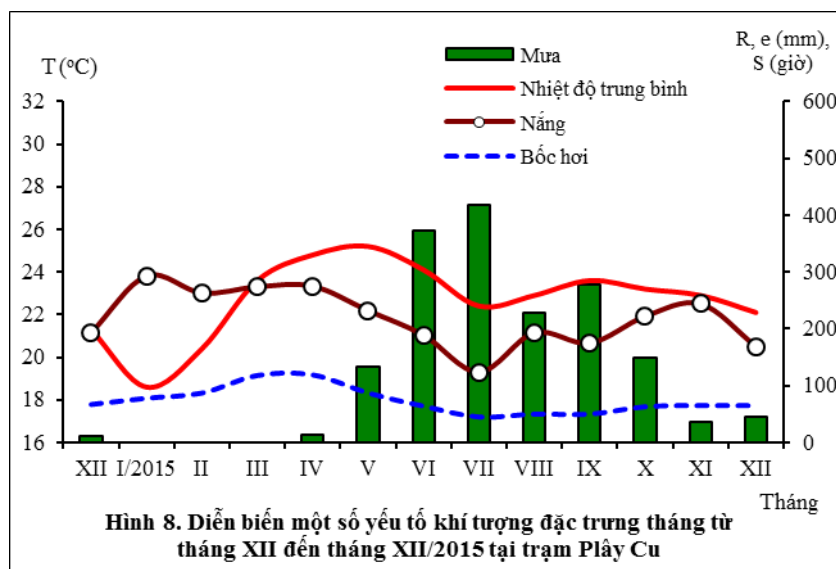
- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 90mm đến 204mm, cao nhất là 227mm tại Phan Rang. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm, cao nhất là 10mm xảy ra vào các ngày 03/XII tại Phan Rang và ngày 29/XII tại Nha Trang. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa (từ 86mm đến 196mm).

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2015 từ $16,2^{\circ}\text{C}$ đến $22,1^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ $-0,7^{\circ}\text{C}$ đến $-0,4^{\circ}\text{C}$, hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $21,9^{\circ}\text{C}$ đến $27,5^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $30,9^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 15/XII tại Đăk Nông.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $12,6^{\circ}\text{C}$ đến $18,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $8,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 29/XII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2015 dao động từ 2mm đến 24mm, cao nhất là 38mm tại Bảo Lộc. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -37mm đến -22mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 1mm đến 20mm, cao nhất là 22mm vào ngày 17/XII tại Đăk Nông. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến

từ 1 đến 5 ngày, riêng một vài nơi không có ngày mưa trong tháng; Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 2 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 13 đến 16 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2015 phổ biến từ 161 giờ đến 238 giờ (, cao nhất là 251 giờ tại Plây Cu. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-36 giờ đến 18 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -4% đến -3%), có giá trị phổ biến từ 71% (Kon Tum) đến 84% (Đà Lạt); độ ẩm không khí thấp nhất là 44% xảy ra vào các ngày 07/XII tại Bảo Lộc, ngày 08/XII tại Đắc Nông và ngày 31/XII tại Plây Cu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 4mm (Đà Lạt) đến 106mm (Buôn Ma Thuột), cao nhất là 141mm tại Kon Tum. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (25mm đến 136mm).

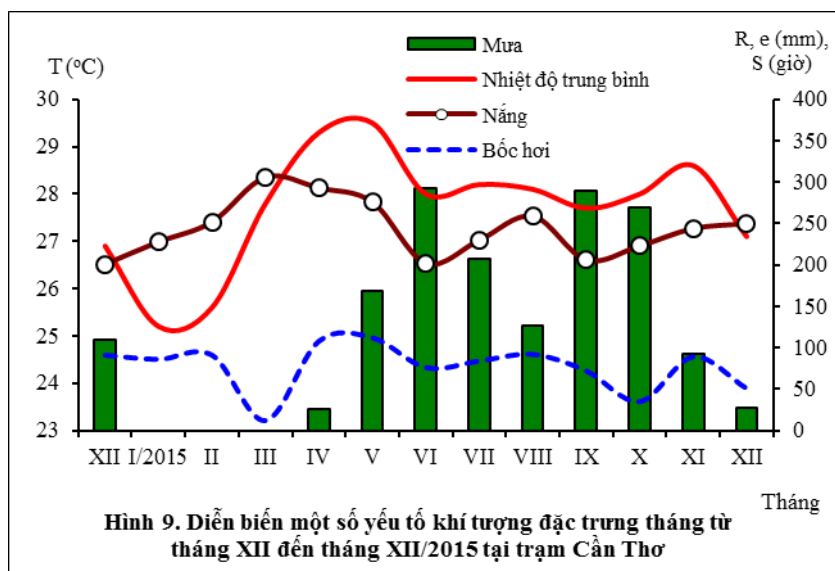
9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng XII/2015 từ 24,6⁰C đến 26,9⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -0,9⁰C đến 1,4⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 26,0⁰C đến 31,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 34,2⁰C xảy ra vào ngày 13/XII tại Tây Ninh.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 20,5⁰C đến 24,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,8⁰C xảy ra vào ngày 28/XII tại Tây Ninh. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng XII đến tháng



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng XII đến tháng XII/2015 tại trạm Cần Thơ

XII/2015 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng XII/2015 dao động phổ biến từ 2mm đến 70mm, cao nhất là 95mm tại Đồng Phú. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-53mm đến 25mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 1mm đến 31mm, cao nhất là 34mm xảy ra vào ngày 17/XII tại Châu Đốc.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 1 đến 7 ngày, riêng tại Bạc Liêu không có ngày mưa; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 7 đến 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng XII/2015 phổ biến từ 114 giờ đến 222 giờ, cao nhất là 229 giờ tại Đồng Phú và Tây Ninh; phổ biến ở mức thấp hơn giá trị TBNN (-109 giờ đến -11 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 72% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -7% đến 7%, hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 31/XII tại Đồng Phú.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 49mm đến 116mm, cao nhất là 123mm tại Vũng Tàu (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức cao hơn giá trị lượng mưa tháng (21mm đến 104mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 2 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG XII/2015

Điều kiện khí tượng nông nghiệp tháng XII/2015 ở hầu hết các vùng của nước ta không hoàn toàn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nền nhiệt độ thấp hơn TBNN, tình trạng ít mưa, độ ẩm thấp, số giờ nắng không nhiều, thời tiết âm u và lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa. Đặc biệt vào cuối tháng XII/2015, đầu tháng I/2016, liên tiếp các đợt không khí lạnh tăng cường làm nhiệt độ hạ thấp

xuống dưới ngưỡng rét đậm, rét hại ở các tỉnh Miền Bắc, sương giá, sương muối xuất hiện nhiều ở các khu vực miền núi. Ở các tỉnh phía Nam, tổng lượng mưa cả tháng thấp, rất nhiều khu vực thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt là một số tỉnh ở vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ lượng mưa cả tháng dưới 5m.

Trong tháng XII, các địa phương miền Bắc tập trung chăm sóc và bắt đầu thu hoạch một số cây vụ đông trồng sớm, tiếp tục cày lật đất, gieo mạ và chuẩn bị các yếu tố cần thiết khác cho vụ sản xuất đông xuân 2016. Các tỉnh miền Nam tập trung thu hoạch lúa mùa, rau màu vụ hè thu - mùa và xuống giống lúa đông xuân cùng một số cây màu sớm thuộc vụ đông xuân 2016

1. Tình hình trồng trọt

a) Đối với cây lúa

Nhìn chung điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng không thuận lợi cho công tác đồng ruộng ở hầu hết các vùng trong cả nước. Ở các tỉnh phía Bắc, tháng XII là tháng bắt đầu thời kỳ lạnh giá của mùa đông. Từ trung tuần đến cuối tháng liên tiếp các đợt không khí lạnh tăng cường với cường độ mạnh làm thời tiết chuyển rét đậm rét hại, nhiều khu vực núi cao, xuất hiện băng tuyết, sương giá, sương muối làm nhiều diện tích cây vụ đông bị hư hại. Đợt rét kéo dài khiến bà con nông dân gặp nhiều khó khăn ngay từ khi bắt đầu bước vào vụ đông xuân 2015-2016, nhiều diện tích mạ giống chậm phát triển khiến nguy cơ gieo cấy chậm thời vụ. Các đợt rét hại đã gây ảnh hưởng cho nhiều tỉnh.

Ở các tỉnh Miền Trung, các đợt không khí lạnh tăng cường di chuyển vào các tỉnh miền Trung gây ra một đợt mưa rét kéo dài, đúng lúc bà con nông dân đang xuống vụ đại trà làm mạ giống chậm sinh trưởng do rét đậm rét hại khiến nguy cơ thiếu giống gieo cấy trong vụ đông xuân 2015 – 2016.

Ngoài ra, sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn giữa ngày và đêm đang là mối lo lớn cho người chăn nuôi vì thời tiết này rất dễ nảy sinh dịch bệnh.

Các tỉnh miền Nam thu hoạch lúa mùa đạt 510,2 ngàn ha, bằng 68,4% diện tích xuống giống và bằng 120,2% so với cùng kỳ năm trước; riêng các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thu hoạch đạt hơn 148,5 ngàn ha, bằng 40,6% diện tích xuống giống và bằng 90,8% cùng kỳ năm trước. Đồng thời với thu hoạch lúa mùa, các địa phương miền Nam trong tháng đã tập trung xuống giống đại trà lúa vụ đông xuân, đạt hơn 1298,4 ngàn ha, bằng 124,8% so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL xuống giống đạt 1229,1 ngàn ha, bằng 125,1% so với cùng kỳ năm trước. Cây lúa đang phát triển tốt. Năm nay do lượng mưa ít, nước ở thượng nguồn không nhiều, đến nay nước mặn đã xuất hiện trên các sông lớn và có khả năng sẽ xâm nhập và ảnh hưởng đến sản xuất.

b. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Tính đến cuối tháng 12, các địa phương miền Bắc đã cơ bản kết thúc gieo trồng cây vụ đông đạt 373,6 ngàn ha, bằng 90,2% so với cùng kỳ năm trước. Thời tiết đầu vụ năm nay nắng ấm thuận lợi cho sự phát triển một số cây trồng, nhưng cuối tháng 10 thời tiết có mưa nhiều gây ngập úng đúng lúc gieo trồng cây vụ đông ưa ẩm như đậu tương, ngô, khoai lang là những nhóm cây chủ lực và có diện tích lớn bị ảnh hưởng, đặc biệt là cây lạc và đậu tương. Diện tích ngô đạt 135,1 nghìn ha, bằng 99,2%; Khoai lang đạt 37,3 nghìn ha, bằng 79,9%; Đậu tương đạt 28,2 nghìn ha, bằng 79,1%; Lạc đạt 6,1 nghìn ha, bằng 75,6%; Rau, đậu các loại đạt 181,1 nghìn ha, bằng 100,9% so cùng kỳ năm trước. . Hiện nay, thời tiết tương đối thuận lợi, đất ẩm phù hợp cho cây vụ đông gieo trồng và phát triển tốt; các địa phương đang đẩy nhanh tiến độ gieo trồng các cây vụ đông đảm bảo kế hoạch đã đề ra; chăm sóc, theo dõi diễn biến sâu bệnh trên cây vụ đông. Một số diện tích rau vụ Đông sớm đã và đang cho thu hoạch.

Chè lớn ở Mộc Châu sinh trưởng kém, độ ẩm đất trung bình. Chè lớn ở Phú Hộ, Ba Vì ngừng sinh trưởng.

Cà phê ở Tây Nguyên ra nụ, sinh trưởng tốt, đất ẩm trung bình. Ở Xuân Lộc cà phê đâm chồi, sinh trưởng trung bình, độ ẩm đất tương đối khô.

c) Đánh giá chung:

Năm 2015 là năm nhiều khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp: Nhiều diễn biến cực đoan của thời tiết (hạn hán gay gắt xảy ra trên diện rộng, ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên làm nhiều diện tích gieo trồng không thể sản xuất; mưa lũ lớn bất thường ở các tỉnh Miền núi phía Bắc; xâm nhập mặn nặng ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi vẫn xảy ra ở một số nơi...

Cây lúa: Sản xuất lúa cả năm 2015 vẫn đạt khá, tăng nhẹ về diện tích, năng suất và sản lượng. Diện tích gieo trồng lúa đạt 7,83 triệu ha, tăng 18,7 nghìn ha, năng suất ước đạt 57,7 tạ/ha, tăng 0,2 tạ/ha.

Sản lượng lúa Đông xuân cả nước đạt 20,69 triệu tấn, giảm 158,8 nghìn tấn, bằng 99,2% so vụ đông xuân 2014 do nắng nóng ở hầu hết các tỉnh, xâm nhập mặn ở vùng ĐBSCL nên giảm cả diện tích và năng suất: diện tích gieo trồng được 3,11 triệu ha, giảm 4,1 nghìn ha, bằng 99,9%; năng suất lúa đạt 66,5 tạ/ ha, giảm 0,4tạ/ha (-0,6%).

Tính chung cả nước, diện tích gieo trồng lúa hè thu và thu đông 2015 đạt gần 2,78 triệu ha; trong đó ĐBSCL đạt 2,36 triệu ha, tăng 67,3 nghìn ha; năng suất trung bình cả nước ước đạt 53,8 tạ/ha, sản lượng ước đạt gần 15 triệu tấn, tăng 512,5 nghìn tấn. Do nắng nóng gay gắt nên diện tích lúa hè thu tại các tỉnh

duyên hải Nam Trung bộ giảm mạnh (-5,9%), sản lượng ước đạt 959 nghìn tấn, giảm 5% so vụ hè thu 2014.

Diện tích gieo trồng lúa mùa 2015 cả nước ước đạt 1,94 triệu ha, giảm 28,2 nghìn ha. Trong đó, diện tích lúa mùa các tỉnh miền Bắc ước đạt 1,1 triệu ha, giảm 14,8 nghìn ha (-1,3%); diện tích lúa mùa các tỉnh miền Nam ước đạt 770,2 nghìn ha, giảm 13,4 nghìn ha (-1,7%) so cùng kỳ. Năng suất lúa mùa 2015 ước đạt 49,2 tạ/ha

Diện tích canh tác lúa mùa các tỉnh phía Bắc năm 2015 giảm do các địa phương thực hiện việc dồn ô đổi thửa chỉnh trang đồng ruộng, một phần diện tích trồng lúa chuyển sang làm đường nội đồng, kênh dẫn nước; chuyển đổi một số diện tích kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả hoặc chuyển sang nuôi trồng thủy sản có thu nhập cao hơn. Lúa mùa các tỉnh phía Nam tiếp tục giảm do thời tiết không thuận lợi tại các tỉnh Duyên hải Miền Trung, Tây Nguyên, chuyển đổi mùa vụ và mục đích sử dụng đất tại các tỉnh ĐBSCL.

Cây ngô:

Kết quả diện tích gieo trồng cây ngô cả nước năm 2015 đạt 1179,3 nghìn ha, tăng 0,3 nghìn ha; năng suất đạt 44,8 tạ/ha, tăng 0,7 tạ/ha. Kết quả sản xuất cây ngô tăng ở miền Bắc do người dân trồng thêm ngô trên những diện tích lúa thiếu nước tưới; giảm ở miền Nam do hạn hán và năm nay cây ngô không còn được trồng xen trong vườn cây lâu năm nữa.

Các loại hoa màu khác:

Cây khoai lang tiếp đà giảm từ những năm trước, diện tích gieo trồng đạt 126,9 nghìn ha, năng suất đạt 104,8 tạ/ha. Cây sắn diện tích đạt 566 nghìn ha, sản lượng đạt 10,67 triệu tấn. Cây mía giảm mạnh ở các tỉnh ĐBSCL do chuyển đổi sang cây trồng rau, cây ngắn ngày khác. Diện tích cả nước ước đạt 284,5 nghìn ha, sản lượng cả nước đạt 18,32 triệu tấn. Diện tích cây lạc và đậu tương giảm chủ yếu ở vụ Đông xuân miền Bắc và giảm ở các tỉnh miền Nam. Cây rau, đậu các loại: Đây là nhóm cây có thời vụ ngắn, vốn đầu tư ít, hiệu quả kinh tế cao, lại có thể trồng xen đất và trồng trên những diện tích lúa hoa màu thiếu nước tưới nên kết quả sản xuất rau đậu các loại năm 2015 tăng so cùng kỳ. Diện tích rau các loại đạt 887,8 nghìn ha, tăng 6,1 nghìn ha; sản lượng đạt 15,7 triệu tấn, tăng 276,6 nghìn tấn. Diện tích đậu các loại đạt 161,2 nghìn ha, sản lượng đạt 169,6 nghìn tấn.

Bảng 10. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng XII/2015

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh	
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn	Kém	TB		
2		Điện Biên	Lúa đông xuân mọc mầm	Kém			
3		Văn Chấn	Lúa đông xuân gieo đến mọc mầm	Trung bình	Quá ẩm		
4		Tuyên Quang	Chuyển vụ				
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa đông xuân lá thứ năm	Khá	3cm		
6		Lạng Sơn	Chuyển vụ				
7		Bắc Giang	Chuyển vụ				
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn	Ngừng sinh trưởng			
9		Ba Vì	Chè lớn	Ngừng sinh trưởng			
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Chuyển vụ				
11		Hoài Đức	Chuyển vụ				
12		Hải Dương	Lúa đông xuân mọc mầm	Trung bình	3cm		
13				Khoai lang củ già	Khá	Tương đối khô	
14		Hung Yên	Chuyển vụ				
15		Nam Định	Chuyển vụ				
16		Ninh Bình	Chuyển vụ				

1 7		Thái Bình	Chuyển vụ			
1 8		Yên Định	Lạc thu hoạch			
1 9	Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	Lúa đông xuân lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
2 0		Quỳnh Lưu	Chuyển vụ			
2 1		Đô Lương	Chuyển vụ			
2 2	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa đông xuân mọc muộn	TB	3cm	
2 3		An Nhơn	Lúa đông xuân cấy	TB	4cm	
2 4	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê ra nụ	Tốt	TB	
2 5	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê đâm chồi	TB	Tỉ lệ đổi khô	
2 6		Trà Nóc	Lúa đông xuân lá thứ 3	Khá	3cm	
2 7		Mỹ Tho	Lúa mùa thu hoạch, chín hoàn toàn	TB	3cm	
2 8		Bạc Liêu	Chuyển vụ			

2. Tình hình sâu bệnh

2. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng 12 hầu hết các loại dịch đều có xu hướng giảm.

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 8623 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 45 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh và Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Chuột: Tổng diện tích hại 6998 ha, diện tích nhiễm nặng 16 ha. Chuột hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Khô vằn hại lúa: Bệnh xuất hiện ở tất cả các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 6.063 ha.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 8113 ha, diện tích nhiễm nặng 38 ha tập trung tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 17.201 ha, nặng 252 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 8.663 ha.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 3.405 ha. Sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 7.743 ha.

- Đạo ôn lá: hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 27.003 ha

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG I, II và III/2016

3.1. Nhiệt độ

Trong 3 tháng tới, nhiệt độ có khả năng cận đến vượt chuẩn trên đa phần diện tích cả nước với xác suất từ 66 đến 77%. Khả năng hụt chuẩn của nhiệt độ có thể xuất hiện ở một số nơi thuộc vùng núi phía Đông Bắc Bộ và Tây Nghệ An với xác suất khoảng từ 50 đến 60%. Chuẩn sai của nhiệt độ chủ yếu dao động từ 0 đến lớn hơn 1°C trên đại bộ phận diện tích cả nước.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, lượng mưa có khả năng hụt chuẩn ở một phần diện tích thuộc khu vực Việt Bắc, Tây Nghệ An và Kon Tum với với xác suất từ 66% đến trên 77%. Khả năng cận đến vượt chuẩn của lượng mưa có thể xảy ra trên đại bộ phận diện tích cả nước với xác suất từ 55% tới trên 77%. Chuẩn sai của lượng mưa dao động từ 0 đến 200mm trên đa phần diện tích cả nước.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Theo kết quả thống kê trung bình mùa 3 tháng I, II, III thời kỳ 1971 - 2000 cho thấy, cứ khoảng 10 năm thì có 4 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và trong khoảng thời gian này rất hiếm khi có XTNĐ nào ảnh hưởng đến Việt Nam (xác suất 7%).

Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 thì trong 3 tháng I, II, III số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam là khoảng 10 đến 11 đợt.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng XII, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng I/2016 và dự báo khí hậu 3 tháng I, II,III/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Chăm sóc các cây rau vụ đông;
- Có biện pháp giữ nước để tưới tiêu cho các cây trồng vụ đông.

2. Miền Trung

- Có các biện pháp phòng chống hạn.

3. Miền Nam

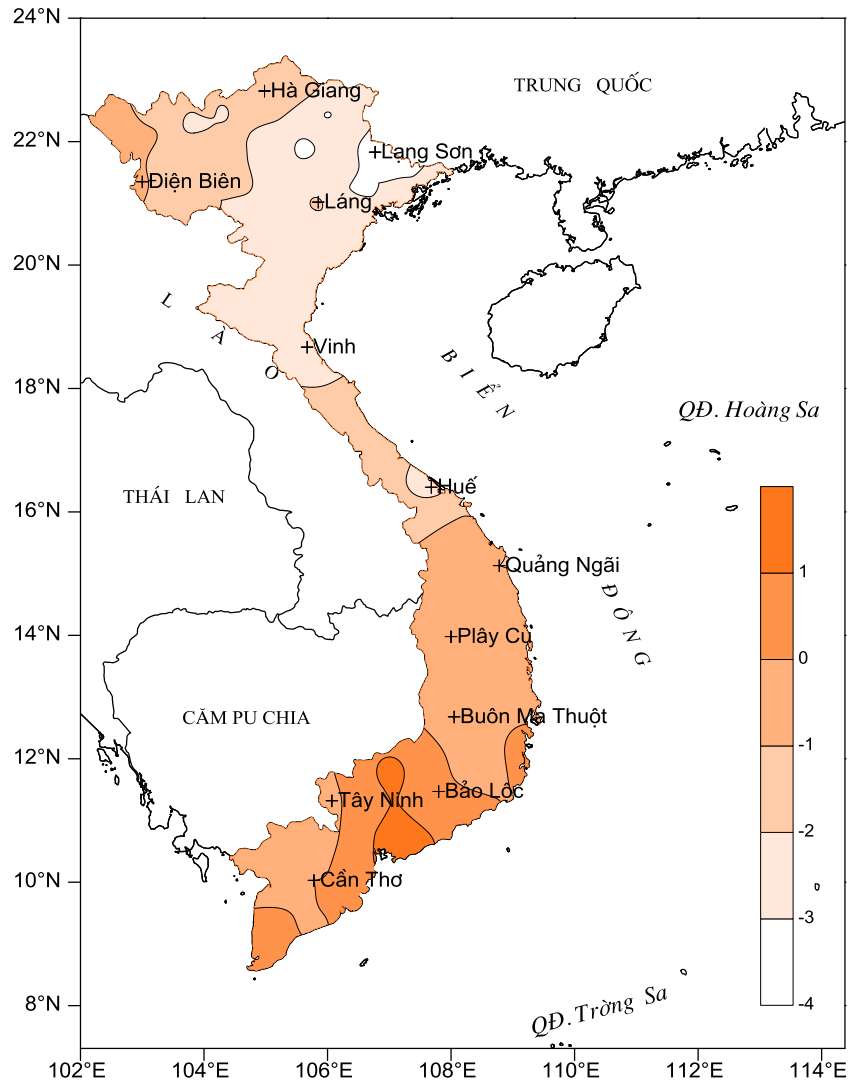
- Tăng cường các biện pháp chống hạn, xâm nhập mặn;
- Các tỉnh ven biển Miền Nam khắc phục hậu quả lũ lụt và sẵn sàng ứng phó với bão lũ và úng ngập do mưa lớn có thể xảy ra

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

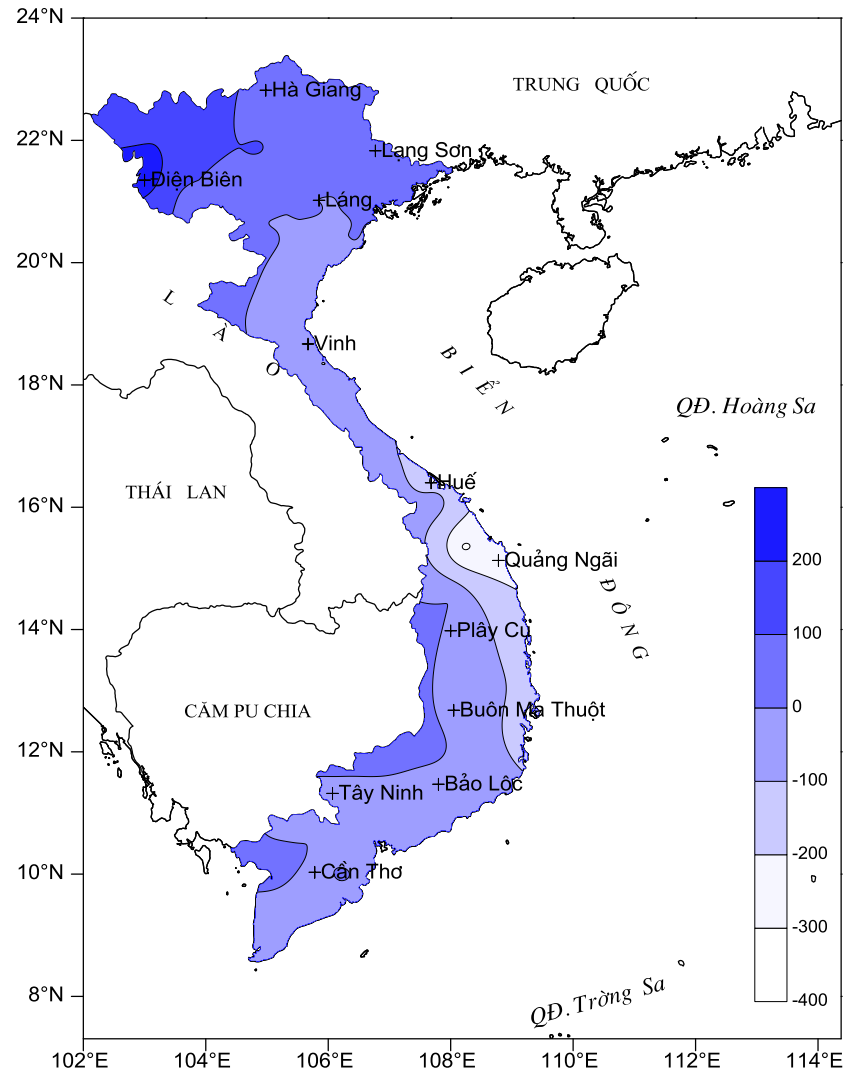
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng I, II, III/2014;

2. <http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/40/Default.aspx>, Nhận định xu thế thời tiết tháng 1 năm 2014 các khu vực trên phạm vi cả nước;

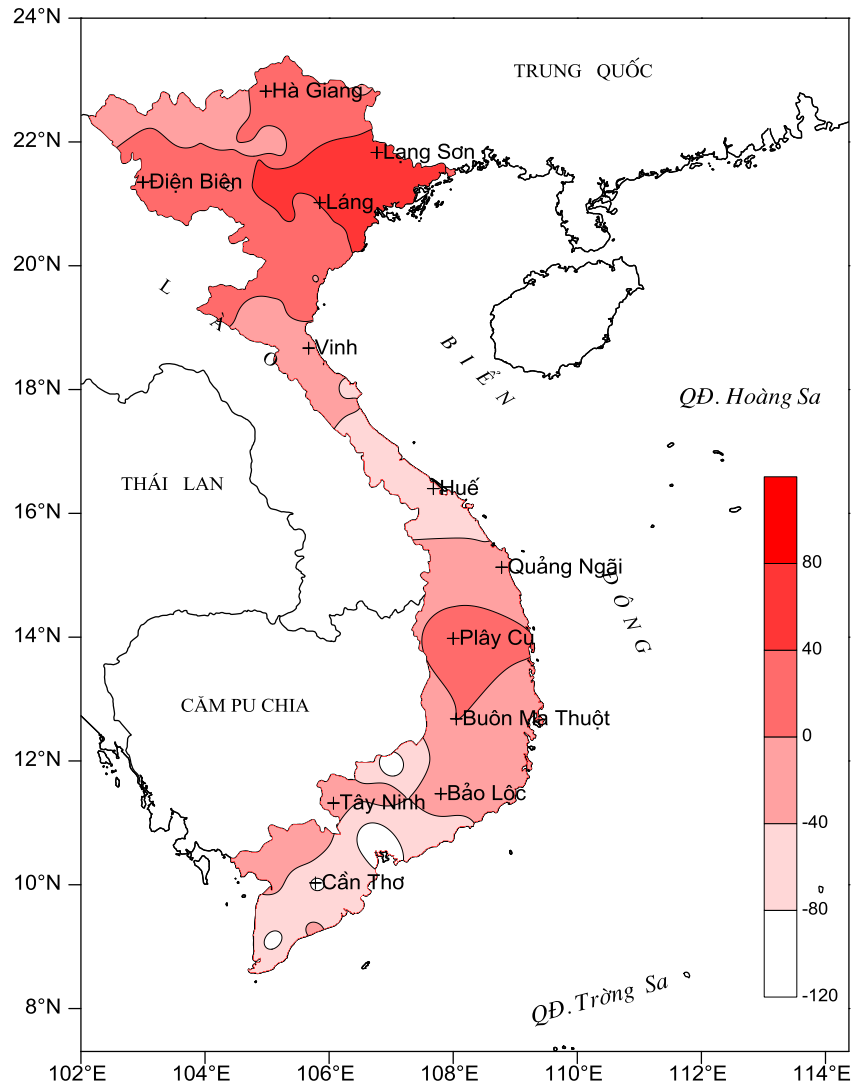
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng XII năm 2015 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



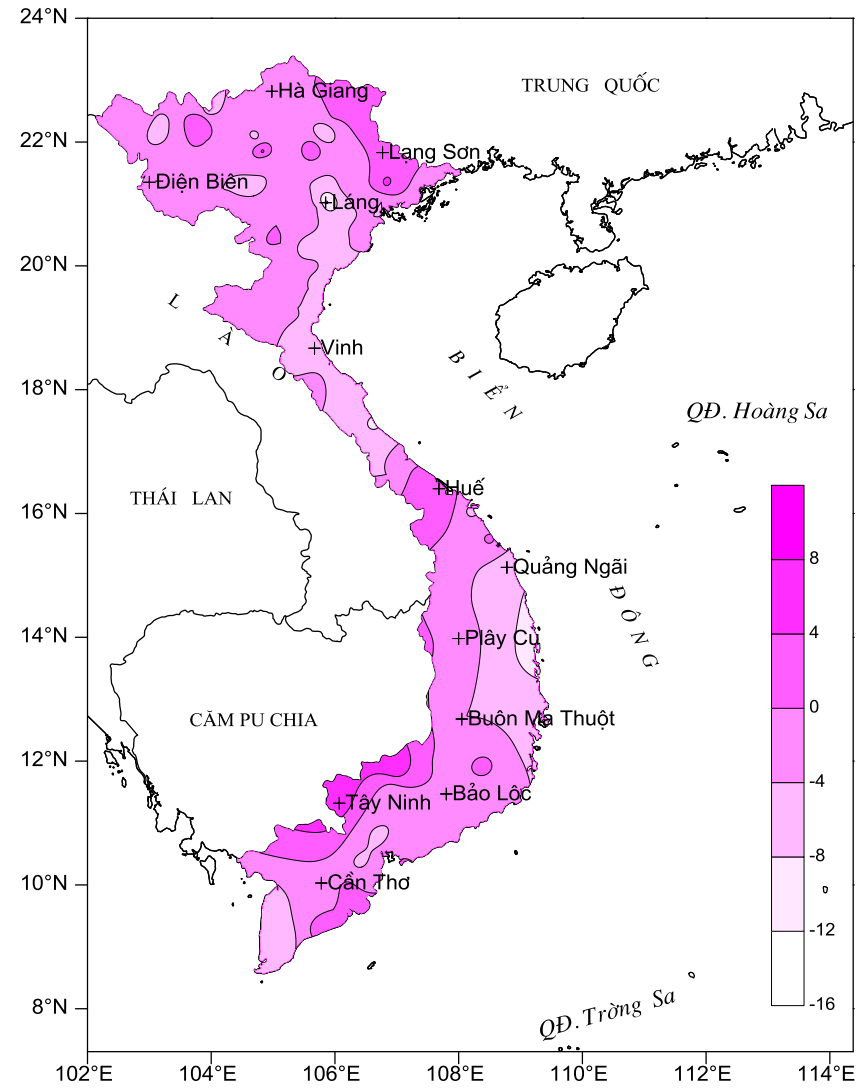
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng XII/2015 so với TBNN (°C)



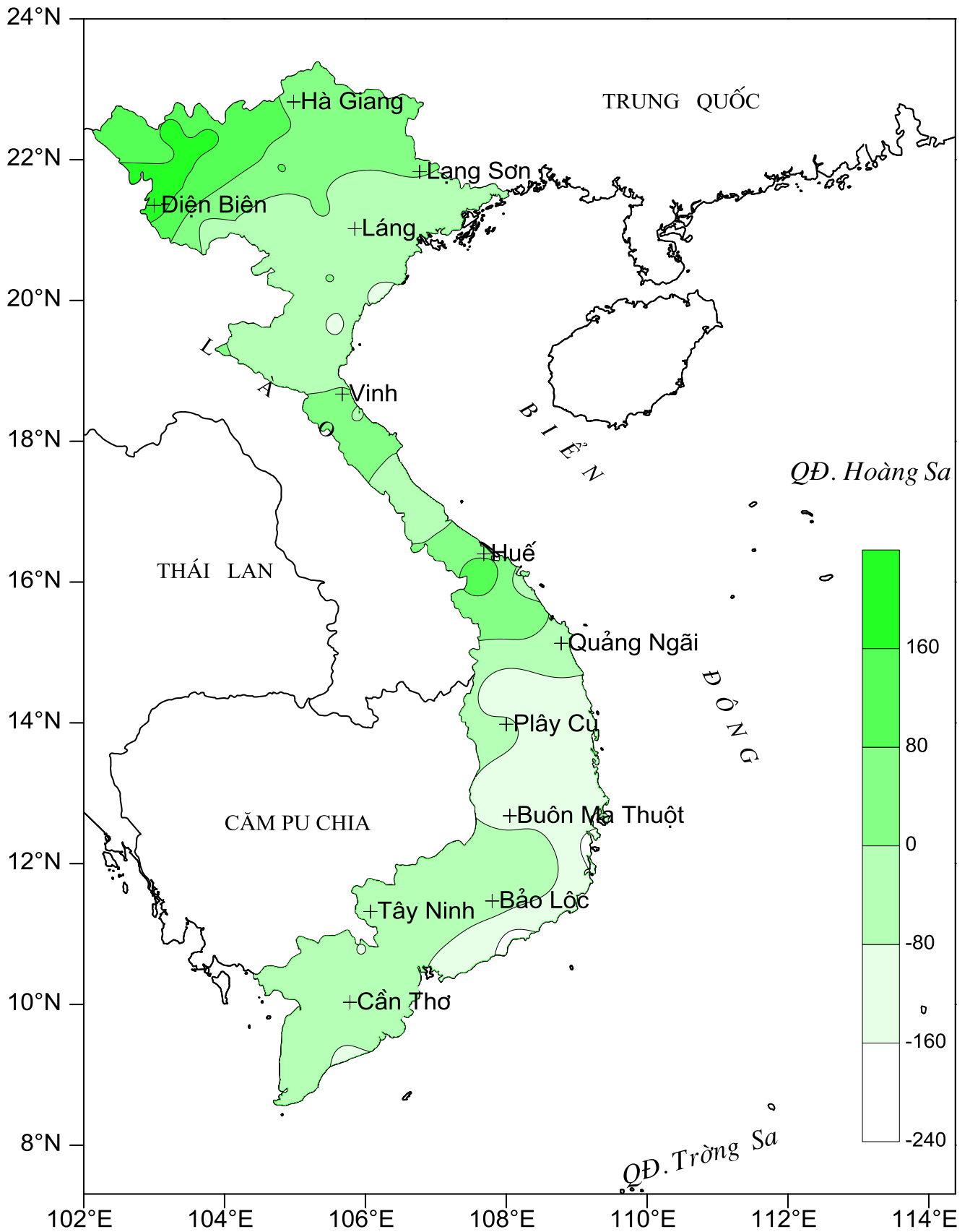
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng XII/2015 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng XII/2015 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng XII/2015 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng XII/2015 (mm)